

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HC-PT
Ngày: 19 - 11 - 2018
V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lang Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Đức Thi.

Bà Nguyễn Thị Thu Từ.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 và ngày 19 tháng 11 năm 2018. tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLPT-HC, ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXPT- HC ngày 03 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1966.

Trú tại: Xóm 1, xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Đại diện được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Xóm 1, xã XL, huyện ND, Nghệ An (theo Giấy ủy quyền ngày 17/8/2018). Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Xóm 7, xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thạc D - Chức vụ: Chủ tịch. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị H2; sinh năm 1964;

Trú tại: Xóm 1, xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện được ủy quyền cho bà Lê Thị H2: Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1966; trú tại: Xóm 1, xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An (theo văn bản ủy quyền ngày 06/10/2017). Có mặt.

- Ông Bùi Đình M; sinh năm 1952;

Trú tại: Xóm 5, xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Người có kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Hành chính sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Năm 2010 Hợp tác xã XL 1 ký hợp đồng kinh tế với ông Bùi Đình M về việc sử dụng diện tích đất khoảng 1 ha tại xứ bãi Hàng Tre với thời hạn 03 năm. Sau khi hết hạn 03 năm thì Hợp tác xã XL 1 gia hạn thêm 02 năm cho ông Bùi Đình M. Tháng 10/2015 hết hạn hợp đồng thì Hợp tác xã XL 1 và ông Bùi Đình M đã tiến hành thanh lý hợp đồng và Hợp tác xã XL 1 bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân xã XL để làm thủ tục chia đất cho dân. Tại thời điểm thanh lý hợp đồng thì trên đất còn có một số cây lâu năm do ông Nguyễn Văn H trồng. Năm 2015 và năm 2016, Ủy ban nhân dân xã XL đã trực tiếp làm việc với ông Bùi Đình M và ông Nguyễn Văn H để có kế hoạch tự thu hoạch cây cối để bàn giao đất, đồng thời giao trách nhiệm cho ông H không được tiếp tục canh tác trên đất đó nhưng ông H không thực hiện. Ủy ban nhân dân xã XL đã ban hành các thông báo cụ thể: Thông báo số 149/TB-UBND ngày 31/10/2016; Thông báo số 150/TB-UBND ngày 21/11/2016; Thông báo số 158/TB-UBND ngày 28/12/2016 và các thông báo đều có nội dung yêu cầu gia đình ông Nguyễn Văn H tự giải tỏa, phát chặt cây cối, thu hoạch H2 màu, tháo dỡ các công trình trên đất tập thể để trả đất cho tập thể.

Ngày 31/12/2016, Ủy ban nhân dân xã XL tổ chức giải tỏa số cây lâu năm của ông Nguyễn Văn H trồng trên đất của ông Bùi Đình M đã ký kết hợp đồng kinh tế với Hợp tác xã XL 1 vào năm 2010.

Ngày 12/02/2017, ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện vụ án Hành chính với nội dung: Yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của ông Nguyễn Thạc D là sai pháp luật và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XL bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 718.750.000 đồng. Ngày 05/12/2017, ông Nguyễn Văn H có đơn sửa đổi đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An là sai pháp luật; yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XL bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 422.792.000 đồng. Lý do khởi kiện theo ông Nguyễn Văn H trình bày: Gia đình ông trực tiếp canh tác trên diện tích đất khoảng 1ha tại xứ bãi Hàng Tre thuộc xã XL, huyện ND từ năm 2010. Diện tích đất này do ông Bùi Đình M (trú tại xóm

5, xã XL, huyện ND) ký hợp đồng giao khoán với Hợp tác xã XL 1 thuộc Ủy ban nhân dân xã XL với thời hạn 3 năm kể từ tháng 10/2010, sau đó gia hạn thêm 02 năm nữa nhưng do ông M không sử dụng nên gia đình ông trực tiếp sản xuất và làm các nghĩa vụ với xã. Do đất xấu trồng màu không có hiệu quả, ông đã chuyển đổi cây trồng sang trồng cây lâu năm như cây Xoan dâu, Bạch đàn mặc dù ông biết rõ không được trồng cây lâu năm nhưng vì những lợi ích thiết thực của việc trồng cây lâu năm như giữ đất phù sa, chống sạt lở sỏi mòn, tạo không khí trong lành đồng thời tăng thu nhập cho gia đình. Đến năm 2015, ông Bùi Đình M đã làm thủ tục thanh lý hợp đồng với Hợp tác xã XL 1. Năm 2015, Ủy ban nhân dân xã XL đã gửi cho ông 03 Thông báo về việc giải tỏa cây lâu năm. Năm 2016, Ủy ban nhân dân xã XL tiếp tục gửi các thông báo cho gia đình ông gồm Thông báo số 93/TB-UBND ngày 31/10/2016; Thông báo số 150/TB-UBND ngày 21/11/2016; Thông báo số 159/TB-UBND ngày 28/12/2016 để yêu cầu gia đình ông tự giải tỏa, phát chặt cây cối, thu hoạch H2 màu, tháo dỡ các công trình trên đất tập thể để trả đất cho tập thể. Ông H đã làm đơn và trực tiếp xin xã chuyển hợp đồng và gia hạn thêm thời gian vì cây chưa đến lúc thu hoạch mà vốn đầu tư nhiều, nếu thu hoạch non sẽ không thu hồi được được vốn. Ngày 28/12/2016 ông H đã nhận được quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai bằng hình thức cảnh cáo và trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 28/12/2016 phải thu hoạch H2 màu trả lại tình trạng đất ban đầu cho xã. Ngày 31/12/2016, ông Nguyễn Thạc D đã tiến hành huy động người, máy móc, ô tô, máy cưa... đến thu hoạch tài sản của ông là số cây lâu năm trên đất và một số dây thép gai, cọc bê tông đố cắt nhỏ đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã để cho đến nay. Việc ông Nguyễn Thạc D trực tiếp chỉ đạo chặt phá tài sản của ông mà không có quyết định cưỡng chế, không báo cho gia đình biết làm thiệt hại toàn bộ tài sản của ông. Khi đoàn cưỡng chế đến ông D không đọc quyết định gì, không kiểm kê số cây trồng mà cho người chặt, cưa cây luôn. Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, tỉnh ND, là sai pháp luật đã gây thiệt hại cho gia đình ông. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện cho người bị kiện ông Nguyễn Thạc D trình bày: Năm 2010, Hợp tác xã XL 1 ký hợp đồng kinh tế với ông Bùi Đình M về việc sử dụng diện tích đất khoảng 1 ha tại xứ bãi Hàng Tre với thời hạn 03 năm. Sau khi hết hạn 03 năm thì Hợp tác xã gia hạn thêm 02 năm cho ông M. Đến tháng 10/2015 hết hạn hợp đồng thì Hợp tác xã XL 1 và ông Bùi Đình M đã tiến hành thanh lý hợp đồng và Hợp tác xã bàn giao đất cho xã để xã làm thủ tục chia đất cho dân. Tại thời điểm thanh lý hợp đồng thì trên đất còn có một số cây lâu năm do ông Nguyễn Văn H trồng. Năm 2015 và năm 2016 xã đã nhiều lần thông báo gửi

trực tiếp cho ông Bùi Đình M và ông Nguyễn Văn H để có kế hoạch tự thu hoạch cây cối để bàn giao đất, nếu không tự thu hoạch thì xã sẽ thành lập đoàn giải tỏa và ông H phải chịu thiệt hại đồng thời giao trách nhiệm cho ông H không được tiếp tục canh tác trên đất đó. Ông Nguyễn Văn H đã làm đơn gia hạn và xin nhận lại phần đất đó để tiếp tục canh tác nhưng vì đó là đất theo Nghị định 64/Cp của nhân dân nên xã không đồng ý.

Sau nhiều lần Thông báo, ông Nguyễn Văn H vẫn không chấp hành và còn tiếp tục sản xuất rau màu trên đất đó. Ngày 21/12/2016 Ủy ban nhân dân xã đi kiểm tra thì phát hiện ông H đang cày trên vùng đất không có cây lâu năm để sản xuất ngô nên Ủy ban nhân dân xã đã lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất. Ngày 28/12/2016, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã XL ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai bằng hình thức cảnh cáo và trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 28/12/2016 phải thu hồi H2 màu để trả lại tình trạng đất ban đầu. Ngày 28/12/2016, xã đã mời ông Nguyễn Văn H lên làm việc để giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 189/QĐ-XPHC ngày 28/12/2016 đồng thời thông báo cho ông Nguyễn Văn H biết về việc đã hết thời hạn tự thu hoạch cây lâu năm theo các Thông báo đã gửi cho ông Nguyễn Văn H và ngày 31/12/2016 xã sẽ tổ chức giải tỏa. Do ông Nguyễn Văn H không chấp hành nên ngày 31/12/2016, Ủy ban nhân dân xã tổ chức giải tỏa số cây lâu năm của ông Nguyễn Văn H trồng trên đất của ông Bùi Đình M nhận khoán trước đây. Để tiến hành giải tỏa, xã đã ban hành Quyết định số 190/QĐ-UBND, ngày 28/12/2016 về việc thành lập Đoàn giải tỏa cây cối, vật kiến trúc để phục vụ công tác chia lại đất bãi vùng XL 1, xã XL. Sáng ngày 31/12/2016, xã tiếp tục gọi điện thoại mời ông Nguyễn Văn H lên làm việc trước giải tỏa, ông H đã lên xã làm việc và xin thêm thời gian để đi hỏi các cấp khi nào thỏa mãn thì ông H sẽ tự giải tỏa. Sau khi trao đổi với ông H, xã đã yêu cầu ông H làm đơn xin gia hạn cụ thể ngày giải tỏa thì xã sẽ tạo điều kiện nhưng ông H không làm đơn mà chỉ xin thời gian để đi hỏi nên Đoàn giải tỏa đã thực hiện nhiệm vụ. Xã đã cử người trực tiếp kiểm đếm cây cối. Sau đó lực lượng giải tỏa tiến hành nhiệm vụ chặt cây cối bằng máy cưa, cưa sát gốc còn cành và lá để lại tại chỗ. Số cây đó xã đã đem về trụ sở Ủy ban nhân dân xã để bảo quản. Ngoài chặt cây cối thì các dây thép gai được đoàn cắt để giải tỏa và đưa về trụ sở một số dây thép gai đã cũ. Đoàn giải tỏa thực hiện việc giải tỏa cây lâu năm trên đất nông nghiệp đang do xã quản lý là thực hiện các Thông báo đã nhiều gửi cho ông H để lấy đất chia lại đất cho nhân dân. Vì vậy, hành vi của Ủy ban nhân dân xã XL trong việc giải tỏa cây cối lâu năm của ông H trồng tại xứ bãi Hàng Tre, xã XL vào ngày 31/12/2016 là đúng quy định pháp luật. Do hành vi của Ủy ban nhân dân xã XL đúng nên thiệt hại ông H phải chịu, Ủy ban nhân dân xã không

có nghĩa vụ bồi thường. Đối với số cây của ông H, Ủy ban nhân dân xã đang bảo quản tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã XL thuộc quyền xử lý của xã; nếu ông H có nguyện vọng lấy lại số cây trên thì xã sẽ giao lại số gỗ đó cho ông H với điều kiện ông H phải chịu chi phí giải tỏa. Vì vậy Ủy ban nhân dân xã XL không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đình M trình bày: Tháng 10/2010, ông M ký hợp đồng kinh tế về việc sản xuất đất soi bãi (Hàng Tre) với Hợp tác xã XL 1 thuộc Ủy ban nhân dân xã XL với thời hạn 3 năm kể từ tháng 10/2010, sau đó gia hạn thêm 02 năm. Do điều kiện không trực tiếp canh tác được nên ông M đã giao toàn bộ diện tích đó cho ông Nguyễn Văn H canh tác theo nội dung hợp đồng, ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm đưa tiền thuê để ông M nộp cho Hợp tác xã mỗi năm 1.400.000 đồng. Trong năm đầu, ông Nguyễn Văn H trồng H2 màu sau đó ông Nguyễn Văn H trồng cây lâu năm là cây xoan dâu. Năm 2015 ông M đã ký vào biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế với Hợp tác xã XL 1 để bàn giao đất cho xã chia lại cho dân theo quy định đồng thời đã trực tiếp bàn giao đất trên thực địa cho xã như chỉ mốc nhưng khi đó trên đất vẫn còn nguyên các cây lâu năm của ông Nguyễn Văn H trồng đồng thời ông Nguyễn Văn H vẫn tiếp tục trồng H2 màu. Ông M đã thông báo yêu cầu ông H thực hiện giải tỏa để bàn giao đất nhưng ông H không thực hiện. Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, ông M không liên quan. Do ông M không canh tác gì trên đất nên không yêu cầu quyền lợi gì. Đối với xã XL, ông M đã làm thủ tục thanh lý hợp đồng và bàn giao đất cho xã từ năm 2015 nên không có yêu cầu gì đối với xã.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 25 - 7 - 2018 của Tòa án nhân dân huyện ND đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 22, Điều 69, Điều 71, Điều 164, Điều 170 Luật đất đai; Căn cứ Điều 6, Điều 58, Điều 65, Điều 66, Điều 86, Điều 87, Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 3, Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Căn cứ Điều 6, Điều 13, Điều 14, Điều 24 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2009;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An thực hiện ngày 31/12/2016 do ông Nguyễn Thạc D đại diện là sai pháp luật và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XL bồi thường thiệt hại với tổng số

tiền là 422.792.000 đồng (Bốn trăm hai mươi hai triệu, bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2. Giao cho Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An được quyền quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật toàn bộ số cây gỗ thu giữ ngày 31/12/2016 của ông Nguyễn Văn H hiện đang được bảo quản tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã XL. Các cây gỗ được cắt thành khúc gỗ, không có phần gốc và phần cành, ngọn, hiện đã khô. Chiều dài các khúc gỗ phụ thuộc vào chiều dài của cây và được phân loại theo đường kính, bao gồm: 104 khúc gỗ có đường kính từ 20 – 30 cm; 876 khúc gỗ có đường kính từ 10 – 20 cm; 507 khúc gỗ có đường kính dưới 10 cm.

3. Về án phí: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm và 20.911.000 đồng (Hai mươi triệu, chín trăm mười một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003289 ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ND, tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Văn H còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hành chính là 20.911.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm mười một nghìn đồng).

Ngày 08/8/2018, ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo với nội dung: Phiên tòa sơ thẩm thiếu khách quan, không đúng pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XL trả lại toàn bộ tài sản (gỗ), vật liệu làm hàng rào đã thu giữ trái phép và bồi thường thiệt hại về tinh thần, vật chất theo quy định pháp luật. Cụ thể: Bồi thường bằng tiền số cây (1.500 cây) bị chặt phá là 207.5000.000 đồng; Đề nghị quy số gỗ, vật liệu hàng rào bị hư hỏng bằng tiền theo giá thị trường tại thời điểm (ước lượng 50m³ x 4,3 triệu đồng/m³ = 215.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 422.792.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Ủy ban nhân dân xã XL vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trong thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Luật tố tụng Hành chính. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Luật tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố

tụng Hành chính và các quy định của pháp luật hiện hành xử: Bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm;

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm;

Về án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trong vụ án hành chính, ông Nguyễn Văn H có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại theo quy định Luật tố tụng Hành chính. Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng trong thời hạn quy định và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

[2]. Về Đối tượng khởi kiện: Đây là vụ án khởi kiện hành vi hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước là cấp xã trong lĩnh vực quản lý đất đai nên cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/02/2017, ông Nguyễn Văn H làm đơn khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã XL ngày 31/12/2016 là đang trong thời hiệu khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện ND thụ lý giải quyết là đúng quy định điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[4] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, cấp phúc thẩm thấy rằng:

4.1. Về tính hợp pháp của việc thực hiện hành vi hành chính bị khởi kiện:

Để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai, Ủy ban nhân dân xã XL đã có nhiều cuộc họp và ban hành các thông báo giao trách nhiệm cho ông Nguyễn Văn H tự thu hoạch tài sản cây cối trên đất, ngừng sản xuất để bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân xã XL nhưng ông Nguyễn Văn H không chấp hành. Năm 2016, Ủy ban nhân dân xã XL tiếp tục ban hành các Thông báo số 149/TB-UBND ngày 31/10/2016; Thông báo số 150/TB-UBND ngày 21/11/2016; Thông báo số 158/TB-UBND ngày 28/12/2016 với nội dung: Yêu cầu hộ gia đình ông Nguyễn Văn H tự giác giải tỏa, phát chặt cây cối, thu hoạch H2 màu, tháo dỡ các công trình trên đất tập thể. Chấm dứt các hoạt động sản xuất trên

vùng đất đã hết hạn hợp đồng tại xứ đồng hàng tre để ông M bàn giao lại đất cho tập thể quản lý theo quy định. Phạm vi giải tỏa: Tại xứ bãi Hàng Tre và các vùng phụ cận (theo diện tích ông M nhận khoán trong hợp đồng và các vùng lấn chiếm khác) thuộc đất vùng soi bãi xã XL 1. Lý do giải tỏa: Đất ông H đang sản xuất là đất của ông Bùi Đình M nhận giao khoán của tập thể đã hết thời hạn giao khoán, không được gia hạn thêm và sử dụng sai mục đích. Đồng thời Ủy ban nhân dân xã XL ấn định thời gian để thực hiện việc tự giải tỏa; nếu không tự giải tỏa thì Ủy ban nhân dân xã sẽ cưỡng chế giải tỏa, thu hồi cây cối, vật kiến trúc, mọi hư hỏng thiệt hại và kinh phí giải tỏa gia đình ông Nguyễn Văn H phải tự chịu trách nhiệm. Ngày 31/12/2016, Ủy ban nhân dân xã XL tiến hành giải tỏa chặt cây lâu năm, tháo dỡ một số cột bê tông và dây thép gai tại vùng Hàng Tre và lân cận thuộc bãi Soi, XL 1 mang về Ủy ban nhân dân xã XL bảo quản cho đến nay.

Về trình tự thủ tục thực hiện hành vi hành chính: Để thực hiện công việc giải tỏa, Ủy ban nhân dân xã XL ban hành Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 về việc thành lập Đoàn giải tỏa cây cối, vật kiến trúc để phục vụ công tác chia lại ruộng đất bãi vùng XL 1 năm 2017; Kế hoạch số 30/KH-UBND về thực hiện việc giải tỏa và phân công nhiệm vụ đoàn giải tỏa. Trước khi thực hiện hành vi giải tỏa, ông Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân xã gọi lên thông báo về quyết định và kế hoạch giải tỏa, vận động thuyết phục ông H tự giác thực hiện giải tỏa cây cối (được ông H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa) nhưng ông H không tự giác thực hiện. Ủy ban nhân dân xã XL lập biên bản kiểm đếm số lượng cây cối bị giải tỏa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 31/12/2016. Vì vậy, hành vi của Ủy ban nhân dân xã XL đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục nhằm đảm bảo hoạt động quản lý Nhà nước về đất đai và đảm bảo thời gian cho ông Nguyễn Văn H lựa chọn cách để bảo vệ tài sản của mình.

Về cơ sở pháp lý: Diện tích đất khoảng 1 ha tại xứ bãi Hàng Tre được Hợp tác xã XL 1 cho ông Bùi Đình M ký hết hợp đồng sản xuất hàng năm với thời hạn 03 năm (từ năm 2010 – 2013). Sau khi hết hạn 03 năm thì Hợp tác xã XL 1 gia hạn thêm 02 năm cho ông M. Đến tháng 10/2015 hết hạn hợp đồng thì Hợp tác xã XL 1 và ông Bùi Đình M đã tiến hành thanh lý hợp đồng và Hợp tác xã XL 1 bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân xã XL. Tại thời điểm thanh lý hợp đồng thì trên đất còn có một số cây lâu năm do ông Nguyễn Văn H trồng. Ủy ban nhân dân xã XL đã nhiều lần yêu cầu ông H thu hoạch cây cối, tháo dỡ cột bê tông, dây thép gai để xã lấy đất chia cho dân (thể hiện tại các biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn H ngày 31/8/2016 và ngày 23/9/2016) ông H ký vào biên bản làm việc nhưng không thực hiện. Trên cơ sở Thông báo số 149/TB-UBND

ngày 31/10/2016; Thông báo số 150/TB-UBND ngày 21/11/2016; Thông báo số 158/TB-UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã XL và ông Nguyễn Văn H biết được ngày 31/12/2016 Ủy ban nhân dân xã sẽ giải tỏa cây cối của gia đình ông nhưng ông H không thực hiện. Hành vi của Ủy ban nhân dân xã XL ngày 31/12/2016 được thực hiện trên cơ sở các thông báo do Ủy ban nhân dân xã XL ban hành, các thông báo trên đều chứa đựng nội dung quyết định hành chính cá biệt (căn cứ ban hành, lý do ban hành, thời hạn thực hiện, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và chi phí thực hiện...). Ông Nguyễn Văn H thừa nhận đã nhận được các thông báo và nội dung các thông báo này là đúng, ông không có khiếu nại, khiếu kiện đối với các thông báo của Ủy ban nhân dân xã XL. Tuy nhiên ông H vẫn không thực hiện theo các thông báo mặc dù ông H khẳng định nội dung các thông báo của Ủy ban nhân dân xã XL là đúng. Do đã hết thời hạn ấn định trong thông báo nhưng ông H không tự giác thực hiện nên Ủy ban nhân dân xã XL tiến hành giải tỏa là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã xác định Hành vi giải tỏa cây cối và một số vật kiến trúc của ông Nguyễn Văn H trên đất do Ủy ban nhân dân xã XL quản lý để chia đất cho dân là hành vi thực hiện nội dung các thông báo liên quan đến việc giải tỏa cây trồng, vật kiến trúc trái phép trên đất nông nghiệp thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã; không thuộc trường hợp cưỡng chế thu hồi đất và Ủy ban nhân dân xã không có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 66, Điều 71 Luật Đất đai. Hành vi vi phạm hành chính về trồng cây lâu năm trên đất nông nghiệp được ông Nguyễn Văn H trồng từ năm 2011, ông Nguyễn Văn H không báo cho xã nên Ủy ban nhân dân xã không lập biên bản vi phạm hành chính và không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này tại thời điểm năm 2016 vì đã quá thời hiệu là phù hợp với quy định Điều 6, Điều 58, Điều 65, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính. Vì không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm hành chính trồng cây lâu năm trên đất nông nghiệp nên cũng không thuộc trường hợp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 86, Điều 87, Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 3, Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ là có căn cứ pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Văn H cho rằng Ủy ban nhân dân xã tiến hành cưỡng chế nhưng không có quyết định cưỡng chế là không có căn cứ. Hành vi giải tỏa cây cối và vật kiến trúc trái phép trên đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã XL đã được thực hiện trên cơ sở các quyết định hành chính (các thông báo) của Ủy ban nhân dân xã XL đã ban hành.

4.2 Về nội dung ông Nguyễn Văn H còn cho rằng: Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 189/QĐ-XPHC ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân

dân xã XL đã cho ông 10 ngày kể từ ngày 28/12/2016 để giải tỏa, nếu không giải tỏa sẽ cưỡng chế hành chính nhưng mới được 03 ngày thì xã đã tiến hành cưỡng chế là không đúng. Xét thấy: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 189/QĐ-XPHC ngày 28/12/2016 đã căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do ông Nguyễn Sỹ Tuyền, công chức địa chính – xây dựng xã XL lập vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 21/12/2016 do ông Nguyễn Văn H có hành vi lấn, chiếm đất do Ủy ban nhân dân xã XL quản lý để sản xuất ngô, bầu bí, rau màu và một số cây hàng năm khác mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Thời gian 10 ngày ghi trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 189/QĐ-XPHC là để tự nguyện thực hiện trả lại đất đã lấn, chiếm và khôi phục lại trạng thái đất như ban đầu do hành vi trồng rau màu trái phép, không liên quan đến cây lâu năm. Phần đất ông Nguyễn Văn H chiếm dụng để trồng cây màu hàng năm là phần đất nằm chính giữa vùng đất mà trước đây ông M nhận thầu khoán còn cây lâu năm được trồng xung quanh thửa đất. Hành vi của Ủy ban nhân dân xã XL vào ngày 31/12/2016 chỉ giải tỏa cây cối lâu năm, vật kiến trúc trên đất theo các thông báo ông H đã nhận được. Ủy ban nhân dân xã XL không thực hiện hành vi giải tỏa H2 màu của ông Nguyễn Văn H theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 189/QĐ-XPHC. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Văn H cho rằng Ủy ban nhân dân xã XL giải tỏa cây cối, vật kiến trúc của gia đình ông khi chưa đủ thời gian 10 ngày theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 189/QĐ-XPHC là không có căn cứ.

[5] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XL bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 422.792.000 đồng. Bao gồm: Bồi thường số cây (1500 cây) bị chặt là: 207.792.000 đồng; yêu cầu bồi thường số cây gỗ hiện đang được bảo quản tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã XL (ông H cho rằng đã bị mục nát, nứt nẻ, không sử dụng làm gỗ được) ước lượng $50m^3 \times 4,3 \text{ triệu đồng}/m^3 = 215.000.000 \text{ đồng}$.

5.1 Về yêu cầu bồi thường số cây bị giải tỏa: Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 07/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện ND (BL 178 – 179) thể hiện: Số cây của ông Nguyễn Văn H trồng trên bãi Soi (1404 gốc) có trị giá 145.440.000đ; cọc rào và dây thép gai trị giá 20.502.000đ. Tổng trị giá 165.942.000đ. Xét thấy: Ông Nguyễn Văn H không được cơ quan có thẩm quyền giao đất, không được gia hạn hợp đồng sử dụng đất và cũng không được phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên việc ông Nguyễn Văn H trồng cây lâu năm trên đất nông nghiệp là không đúng mục đích sử dụng đất. Khi nhận được các thông báo của Ủy ban nhân dân xã XL, ông H không thực hiện tự giác giải tỏa cây cối để bảo vệ tài sản của mình. Cấp sơ thẩm xác định lỗi thuộc về ông H không tự giác thu hoạch cây cối, H2 màu gây ảnh hưởng đến chức năng

quản lý nhà nước về đất đai, ảnh hưởng đến chủ trương cải cách ruộng đất, đề án của Ủy ban nhân dân xã XL về chia đất cho dân sản xuất, ảnh hưởng lâu dài đến giá trị đất nông nghiệp và đặc biệt làm thiệt hại đến tài sản của mình nên ông Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ thiệt hại là có căn cứ. Do đó, không cơ sở để chấp nhận kháng cáo yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XL phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn H.

5.2 Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu bồi thường số cây gỗ nhưng phải quy số cây gỗ thu về hiện đang bảo quản tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã XL bằng tiền theo giá thị trường (ước lượng $50m^3 \times 4,3$ triệu đồng/ m^3) = 215.000.000đ.

Cấp phúc thẩm thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện đều yêu cầu thu số cây gỗ trên để thanh toán chi phí giải tỏa theo như thông báo đã gửi cho ông H. Nếu ông H nhận gỗ thì phải trả kinh phí giải tỏa là 29.985.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện cho rằng nếu ông H có yêu cầu được nhận lại số gỗ và đề nghị không phải chịu khoản chi phí giải tỏa thì Ủy ban nhân dân xã XL sẽ bàn bạc tập thể để xem xét việc trả số cây gỗ và khoản kinh phí giải tỏa cho ông H. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn H không chấp nhận nên các bên không thỏa thuận được với nhau.

Xét thấy: Ông Nguyễn Văn H cùng một lúc vừa yêu cầu bồi thường số cây trên bãi bị giải tỏa, vừa yêu cầu bồi thường số cây gỗ giải tỏa đang bảo quản tại Ủy ban nhân dân xã là không có căn cứ. Sau khi đưa số cây gỗ, vật liệu làm hàng rào thu về bảo quản tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã XL, Ủy ban nhân dân xã XL đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn H thể hiện tại biên bản làm việc ngày 02/3/2017 để thống nhất nội dung liên quan đến việc xử lý cây cối sau khi đã giải tỏa nhưng ông H cho rằng tập thể thu về thì tập thể tự xử lý. Hiện nay số cây gỗ, vật liệu làm hàng rào thu về vẫn chưa được xử lý. Do đó, cần giao cho Ủy ban nhân dân xã XL tiếp tục quản lý số cây gỗ trên và thực hiện xử lý theo quy định như cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Do đó, cấp sơ thẩm đã xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn H không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm;

Đối với án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trong vụ án hành chính: Do toàn bộ yêu cầu bồi thường không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có

căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy sau khi sự việc xảy ra, ông Nguyễn Văn H phải chịu thiệt hại về kinh tế, hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên cần miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; Giữ nguyên quyết định của bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 25 - 7 - 2018 của Tòa án nhân dân huyện ND; Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; Căn cứ Điều 22, Điều 69, Điều 71, Điều 164, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 6, Điều 58, Điều 65, Điều 66, Điều 86, Điều 87, Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 3, Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Căn cứ Điều 6, Điều 13, Điều 14, Điều 24 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2009;

Căn cứ Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 32; Điều 12; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An thực hiện ngày 31/12/2016 do ông Nguyễn Thạc D đại diện là trái pháp luật và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XL bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 422.792.000 đồng (Bốn trăm hai mươi hai triệu, bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Giao cho Ủy ban nhân dân xã XL, huyện ND, tỉnh Nghệ An tiếp tục quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật toàn bộ số cây gỗ thu giữ ngày 31/12/2016 của ông Nguyễn Văn H hiện đang được bảo quản tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã XL. Các cây gỗ được cắt thành khúc gỗ, không có phần gốc và phần cành, ngọn, hiện đã khô. Chiều dài các khúc gỗ phụ thuộc vào chiều dài của cây và được phân loại theo đường kính, bao gồm: 104 khúc gỗ có đường kính từ 20 – 30 cm; 876 khúc gỗ có đường kính từ 10 – 20 cm; 507 khúc gỗ có đường kính dưới 10 cm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003721 ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính số tiền 20.911.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm mười một nghìn đồng) và án phí Dân sự phúc thẩm trong Hành chính.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND h. NĐ;
- Các đương sự ;
- Chi cục THADS h. NĐ;
- UBND huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lang Thị Duyên